

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CHÂU Á**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CHÂU Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIA HIGH TECHNOLOGY  
AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ASIA FARM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108810225

**3. Ngày thành lập:** 09/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Đồng Sen, Xã Thạch Thán, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng cây ăn quả<br>Chi tiết: trồng dưa lưới Nhật Bản; trồng cây ăn quả khác                                                                                                                                                                                    | 0121(Chính) |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                         | 0119        |
| 3.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                          | 0129        |
| 4.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                             | 0131        |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                              | 0132        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                    | 0161        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                 | 0163        |
| 8.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                   | 0164        |
| 9.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                    | 1030        |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoa và cây;<br>- Bán buôn hạt giống, giống cây trồng các loại<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)<br>Loại trừ: Hạt điều, bông vải | 4620        |
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn rau quả                                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                          | 4653        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường: Nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác                                                                                                                                             | 4933        |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                  | 5210        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ HUY CUÔNG  | Căn hộ 313 Nhà A tập thể trường Đại học Luật, tổ 9, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 108.000    | 1.080.000.000         | 36,000    | 038082011795                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Tổng số                   | 108.000    | 1.080.000.000         | 36,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI MẠNH TUẤN | Căn hộ 1103-N07B2 Đô thị mới, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 96.000     | 960.000.000           | 32,000    | 013660186                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 | Tổng số                   | 96.000     | 960.000.000           | 32,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                           |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ QUANG KHAI | Số 16 Túc Mạc, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 96.000 | 960.000.000 | 32,000 | 001081001282 |
|   |               |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                           | Tổng số                   | 96.000 | 960.000.000 | 32,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HUY CUỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/08/1982

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038082011795

Ngày cấp: 24/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 313 Nhà A tập thể trường Đại học Luật, tổ 9, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 313 Nhà A tập thể trường Đại học Luật, tổ 9, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội